TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Văn.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1985. HKTT: Số a, đường NCT, khu phố a1, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1982. HKTT: Số a, đường NCT, khu phố a1, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày: Bà Đỗ Thị Thanh T và ông Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 18/7/2006. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có sự đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Kiều V, sinh ngày 14/01/2007 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 29/3/2013. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh T khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn L. Bị đơn có nơi cư trú tại số a, đường NCT, khu phố a1, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đỗ Thị Thanh T và ông Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 18/7/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Bà Đỗ Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L vì cho rằng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột, mâu thuẫn, vợ chồng không có sự đồng cảm và chia sẻ trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm lẫn nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bản thân ông L không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Kiều V, sinh ngày 14/01/2007 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 29/3/2013. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Nhận thấy hiện tại các cháu đang sống cùng với mẹ, do đó nhằm đảm bảo sự ổn định cho sự phát triển của con chung và cũng theo nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử xem chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Lê Ngọc Kiều V và Lê Hoàng L1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T đối với ông Lê Văn L về việc ly hôn, tranh chấp con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh T được ly hôn đối với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Lê Ngọc Kiều V, sinh ngày 14/01/2007 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 29/3/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Sau ly hôn, ông Lê Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, bà Đỗ Thị Thanh T không được quyền cản trở ông L thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001651 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo